

Số: 32/2023/QĐST-DS

TP. Cao Lãnh, ngày 31 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 330/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị Đ, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Diệp: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, đường B, Phường C, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền 18/7/2022).

- Bị đơn: Lê Ngọc H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Trung H1, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thiếu Th, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số A, đường B, Phường C, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà: Anh Triệu Trọng Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền 04/4/2023).

4. Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Lê Thị Thùy D, sinh năm 1989;

7. Lê Thị Thúy K, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

8. Lê Thị Thúy V, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Th, H, B, D, K, V: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số A, đường B, Phường C, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền 18/7/2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị Đ có anh Vũ Tuấn A là đại diện theo ủy quyền, chị Lê Thị Ngọc H có anh Triệu Trọng Đ là đại diện theo ủy quyền, anh Lê Ngọc H, anh Lê Trung H1 thống nhất chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông Lê Ngọc C chết vào năm 2021, để lại gồm: Diện tích đất theo đo đạc thực tế là $1.463,2m^2$ trong phạm vi các mốc 1, 2, A, 3, 4, B, 5, 6, 7, C, D, E, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, K, Q về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 14/4/2023, trong đó $50,0m^2$ đất ở tại nông thôn và $1.413,2m^2$ đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Lê Ngọc C ngày 11/7/2011 và diện tích theo đo đạc thực tế là $182,3m^2$, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, A về mốc 1, theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 14/4/2023, thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E do Ủy ban nhân dân thị xã E (nay là thành phố E) cấp cho ông Lê Ngọc C và bà Phạm Thị Đ, ngày 19/5/2005.

- Những người thừa kế của ông Lê Ngọc C gồm: Vợ là Phạm Thị Đ và các người con là Lê Trung H1, Lê Thiếu Th, Lê Ngọc H, Lê Thị Ngọc H, Lê Thị Ngọc H, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thúy K, Lê Thị Thúy V.

- Đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là $182,3m^2$, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, A về mốc 1, thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E, chia thừa kế theo pháp luật như sau:

Bà Phạm Thị Đ yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất là $182,3m^2$, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, A về mốc 1, thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

Lê Trung H1, Lê Thiếu Th, Lê Ngọc H, Lê Thị Ngọc H, Lê Thị Ngọc H, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thúy K, Lê Thị Thúy V thống nhất từ chối nhận di sản do ông Lê Ngọc C để lại đối với diện tích đất là $182,3m^2$, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, A về mốc 1, thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E và thống nhất đồng ý bà Đ được quyền sử dụng diện tích đất là $182,3m^2$, trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, A về mốc 1, thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

- Đối với diện tích theo đo đạc thực tế là $1.463,2m^2$, trong đó $50,0m^2$ đất ở tại nông thôn và $1.413,2m^2$ đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, A, 3, 4, B, 5, 6, 7, C, D, E, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, K, Q về mốc 1, thuộc thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E, chia thừa

kế theo pháp luật như sau:

Lê Thiếu Th, Lê Thị Ngọc H, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thúy K, Lê Thị Thúy V thống nhất từ chối nhận di sản do ông Lê Ngọc C để lại đối với diện tích đất là $1.463,2\text{m}^2$, trong đó $50,0\text{m}^2$ đất ở tại nông thôn và $1.413,2\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, A, 3, 4, B, 5, 6, 7, C, D, E, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, K, Q về mốc 1, thuộc thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

Bà Phạm Thị Đ, anh Lê Trung H1, anh Lê Ngọc H và chị Lê Thị Ngọc H thống nhất đồng ý chia thừa kế đối với diện tích đất $1.463,2\text{m}^2$, trong đó $50,0\text{m}^2$ đất ở tại nông thôn và $1.413,2$ đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 1, 2, A, 3, 4, B, 5, 6, 7, C, D, E, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, K, Q về mốc 1, thuộc thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E, gồm các phần:

+ Bà Phạm Thị Đ, anh Lê Trung H1, anh Lê Ngọc H, chị Lê Thị Ngọc H cùng được quyền sử dụng diện tích đất là $218,0\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc 1, 2, A, N, H, M, 17, G, F, 14, 15, 16, K, Q về mốc 1, thuộc một phần thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

+ Bà Phạm Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất là $103,1\text{m}^2$, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc A, 3, 4, B, 5, 6, 7, C, H, N về mốc A, thuộc một phần thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

+ Chị Lê Thị Ngọc H được quyền sử dụng diện tích đất là $123,6\text{m}^2$, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc H, C, D, M về mốc H, thuộc một phần thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

+ Bà Phạm Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất là $540,5\text{m}^2$, trong đó $50,0\text{m}^2$ đất ở tại nông thôn và $490,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M, D, E, 8, 17 về mốc M, thuộc một phần thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

+ Anh Lê Trung H1 được quyền sử dụng diện tích đất là $286,3\text{m}^2$, đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc 17, 8, 9, G về mốc 17 thuộc một phần thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

+ Anh Lê Ngọc H được quyền sử dụng diện tích đất là $191,7\text{m}^2$, đất trồng cây lâu năm, trong đó $148,9\text{m}^2$ trong phạm vi các mốc G, 9, 10, 13, 14, F về mốc G và $42,8\text{m}^2$, trong phạm vi các mốc 10, 11, 12, 13 về mốc 10, thuộc một phần thửa đất số 2967, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã D, thành phố E.

Kèm theo sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 14/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh.

Đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai và đăng ký đối với diện tích đất được sử dụng và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật.

Đương sự thống nhất tài sản trên đất người nào được quyền sử dụng đất thì được quản lý, sử dụng tài sản trên đất và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản trên đất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Chị Lê Thị Ngọc H tự nguyện chịu là 440.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 570.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012073, ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Lê Thị Ngọc H còn được nhận lại số tiền 130.000 đồng.

Anh Lê Trung H1 tự nguyện chịu là 1.020.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.360.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012168, ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy anh Lê Trung H1 còn được nhận lại số tiền 340.000 đồng.

Anh Lê Ngọc H tự nguyện chịu 683.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 7.215.000 đồng do bà Phạm Thị Đ tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Phạm Thanh Hiền